

Bản án số: 109/2018/HS-ST

Ngày: 12 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Dư Chí V, sinh năm 1997, tại Long An; Nơi thường trú: ấp C, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Dư Văn T và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2018 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Nguyễn Hữu D, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phạm Thị Bích Tr, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ô 1/175, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2/ Phan Văn L, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3/ Biện Thanh T, sinh năm 1996. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Võ Phan Hoàng H (vắng mặt); Huỳnh Thị T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 08/8/2018, Dư Chí V và Võ Phan Hoàng H đến nhà của Nguyễn Thanh N (N), không rõ năm sinh, hộ khẩu thường trú: ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An, để chơi. Sau đó, H điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu cam không rõ biển số chở L đi đến chợ Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh gặp người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ mua 300.000 đồng ma túy đá rồi quay về nhà của N (N) cùng nhau sử dụng. Trong lúc L, H và N đang sử dụng ma túy thì H điện thoại cho bạn của H tên Nguyễn Hữu D đến sử dụng ma túy tại nhà của Nguyễn Thanh N. L có nói với H lấy xe của D đem cầm cố lấy tiền tiêu xài, nhưng H không đồng ý thực hiện, khoảng 30 phút sau D điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Winner biển số 70C1-236.83 của D đến nhà N. Tại đây, H hỏi mượn xe mô tô biển số 70C1-236.83 của D và kêu N đi mua dùm H một card điện thoại di động, đồng thời kêu L đưa mượn điện thoại của L cho N đi cầm cố lấy tiền mua card điện thoại di động cho H. Lúc này, L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70C1-236.83 của D đem cầm cố lấy tiền tiêu xài nên L nói với D và H để L đi cùng với N. L điều khiển xe mô tô của D chở Nhân đến ngã ba cây xăng Thiên Lộc thuộc ấp B, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An. L và N (N) không mua card điện thoại di động và cầm cố điện thoại của L mà chở N quay về nhà của N. Khi về đến nhà của N, L kêu N (N) đi vào nhà trước còn L đi công chuyện rồi quay lại sau. Sau đó, L một mình điều khiển xe mô tô của D chạy đến khu vực G, Tây Ninh và nhờ bạn của L là Phan Văn L nhờ L đem xe của D đi cầm cố lấy số tiền 15.000.000 đồng. L đồng ý và nhờ bạn của L là Biện Thanh T đem xe mô tô của D đi cầm cố. T đồng ý và đem xe mô tô biển số 70C1-236.83 của D đem cầm cố cho bà Phạm Thị Bích Tr, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Ô1/175 khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh với giá 16.000.000 đồng, khi nhận tiền về T nói dối chỉ thể chấp xe được 10.000.000 đồng và đưa số tiền này cho L, T giữ lại 6.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Do không đủ số tiền 15.000.000 đồng mà L nhờ L đem cầm cố xe, nên L bù thêm tiền cá nhân của L 5.000.000 đồng rồi đưa cho L số tiền 15.000.000 đồng, L cho L 400.000 đồng (tiền công cầm cố xe giúp cho L). L bỏ trốn đến ngày 15/8/2018 đầu thú tại Công an xã G, huyện Đ, tỉnh Long An khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ được xe mô tô biển số 70C1-236.83 để điều tra xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54 ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận: xe mô tô biển số 70C1 – 236.83 Dư Chí V chiếm đoạt của Nguyễn Hữu D, có giá trị thành tiền là 38.250.000 đồng.

Ngày 19/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trao trả 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 70C1 – 236.83 cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Hữu D.

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKSĐH ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Dư Chí V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Dư Chí V gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Dư Chí V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo Dư Chí V mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về tang vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 70C1 – 236.83, Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp - anh Nguyễn Hữu D là phù hợp nên đề nghị không đề cập, xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Bị hại anh Nguyễn Hữu D đã nhận lại tài sản bị mất trộm xong, có lời trình bày đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích Tr yêu cầu Biện Thanh T trả lại 16.000.000 đồng tiền nhận cầm cố xe mô tô biển số 70C1-236.83, T và L đã góp lại (trong đó T: 6.000.000 đồng; L: 10.000.000 đồng) để T trả lại cho bà Tr đủ số tiền 16.000.000 đồng, bà Tr không có yêu cầu gì khác nên đề nghị không đề cập xem xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn L yêu cầu bị cáo L trả lại cho L số tiền 15.000.000 đồng (tiền cầm cố xe là 10.000.000 đồng, tiền cá nhân của L là 5.000.000 đồng), tại phiên tòa L vắng mặt nhưng bị cáo L đồng ý trả lại cho L số tiền này nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Phan Văn L, Biện Thanh T có hành vi giúp cho Dư Chí V cầm cố xe mô tô biển số 70C1-236.83 và bà Nguyễn Thị Bích Tr có hành vi nhận cầm cố xe mô tô biển số 70C1-236.83. Xét về ý thức chủ quan, bà Tr, L và T không biết xe mô tô biển số 70C1-236.83 do bị cáo L phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi của Dư Chí V, Võ Phan Hoàng H, Nguyễn Thanh N sử dụng chất ma túy đá tại nhà của N, kết quả điều tra không thu giữ được chất ma túy, chỉ có lời khai của L, H, N nên không đủ căn cứ khởi tố vụ án về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa bị cáo Dư Chí V hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Hữu D trình bày tại Cơ quan điều tra: Ngày 08/8/2018, bằng việc nói dối để che giấu ý định phạm tội, bị cáo Dư Chí V đã chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 70C1 – 236.83 của D đem cầm cố lấy tiền tiêu xài. Nay D đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích Tr trình bày tại Cơ quan điều tra: Ngày 08/8/2018, bà có nhận cầm cố của Biện Thanh T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 70C1 – 236.83 với giá 16.000.000 đồng; khi nhận cầm cố bà không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Nay bà đã nhận lại số tiền cầm cố là 16.000.000 đồng, bà không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Biện Thanh T trình bày tại phiên tòa: Ngày 08/8/2018, Phan Văn L có nhờ T cầm cố 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 70C1 – 236.83 với giá 15.000.000 đồng; T đem xe cầm cố cho bà Phan Thị Bích Tr được số tiền 16.000.000 đồng nhưng giữ lại 6.000.000 đồng tiêu xài cá nhân, giao cho L 10.000.000 đồng; T dự định khi L đưa lại 10.000.000 đồng, T sẽ trả lại 6.000.000 đồng để lấy xe ra. Sau khi hành vi của L bị phát hiện, T đã đưa lại số tiền 6.000.000 đồng cùng với 10.000.000 đồng của L để trả cho chị Tr tiền cầm cố chiếc xe. Nay T không có yêu cầu gì khác trong vụ án. Tại phiên tòa, T xác định T không có ý định chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng có được từ việc cầm cố xe, do đang khó khăn nên T giữ lại để tiêu xài, khi L đưa lại tiền chuộc xe T sẽ trả lại đầy đủ để có thể chuộc xe ra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn L có lời trình bày tại cơ quan điều tra: Ngày 08/8/2018, bị cáo L có nhờ L cầm cố 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 70C1 – 236.83 với giá 15.000.000 đồng; L nhờ Biện Thanh T đem xe đi cầm cố; T đem về giao cho L số tiền 10.000.000 đồng nói là tiền cầm xe. L bù thêm 5.000.000 đồng (là tiền riêng của L) để đưa cho L số tiền 15.000.000 đồng; L yêu cầu bị cáo L trả lại cho L số tiền 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Dư Chí V trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 54/KL.ĐGTS ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Thấy rằng, vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 08/8/2018, tại khu vực ấp L, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, do nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Hữu D nên bị cáo Dư Chí V đã thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô biển số 70C1-236.83 của Nguyễn Hữu D và đem cầm cố với giá 16.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và bỏ trốn. Qua định giá, xe mô tô biển số 70C1-236.83 có giá trị thành tiền là 38.250.000 đồng. Ngày 15/8/2018 bị cáo L đến Công an xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Dư Chí V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Dư Chí V với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản mà bị cáo L gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của Nguyễn Hữu D, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự; do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Dư Chí V là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 70C1 – 236.83, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp - anh Nguyễn Hữu D là phù hợp nên không đề cập, xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại anh Nguyễn Hữu D đã nhận lại tài sản bị mất trộm xong và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích Tr yêu cầu Biện Thanh T trả lại 16.000.000 đồng tiền nhận cầm cố xe mô tô biển số 70C1-236.83, T và L đã góp lại (trong đó T: 6.000.000 đồng; L: 10.000.000 đồng) để T trả lại cho bà Tr đủ số tiền 16.000.000 đồng, bà Tr không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xem xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn L yêu cầu bị cáo L trả lại cho L số tiền 15.000.000 đồng (tiền cầm cố xe là 10.000.000 đồng, tiền cá nhân của L là 5.000.000 đồng), tại phiên tòa L vắng mặt nhưng bị cáo L đồng ý trả lại cho L số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Đối với Phan Văn L, Biện Thanh T có hành vi giúp cho Dư Chí V cầm cố xe mô tô biển số 70C1-236.83 và bà Nguyễn Thị Bích Tr có hành vi nhận cầm cố xe mô tô biển số 70C1-236.83. Xét về ý thức chủ quan, bà Tr, L và T không biết xe mô tô biển số 70C1-236.83 do bị cáo L phạm tội mà có, không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của Dư Chí V, Võ Phan Hoàng H, Nguyễn Thanh N sử dụng chất ma túy đá tại nhà của N, kết quả điều tra không thu giữ được chất ma túy, chỉ có lời khai của L, H, N, không đủ căn cứ khởi tố vụ án về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc tàng trữ trái phép chất ma túy nên không xem xét.

Đối với hành vi của Biện Thanh T giữ lại số tiền cầm cố xe là 6.000.000 đồng, thấy rằng, từ đầu T không có ý thức chiếm đoạt số tiền này, T sẽ trả lại khi L chuộc xe ra. Mặt khác, khi hành vi phạm tội của bị cáo L bị phát hiện, T đã tự nguyện trả lại số tiền này cho bà Tr chứng tỏ T không có ý thức chiếm đoạt số tiền này nên chưa đủ căn cứ khởi tố vụ án về hành vi chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.

[8]. Về án phí: Bị cáo Dư Chí V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ

luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Dư Chí V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Dư Chí V 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Dư Chí V 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/11/2018) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Buộc bị cáo Dư Chí V có trách nhiệm trả cho Phan Văn L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Dư Chí V nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh